

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN MỘC CHÂU
TỈNH SƠN LA**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 44/2020/HS-ST
Ngày 17/4/2020

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN MỘC CHÂU, TỈNH SƠN LA

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên toà: Ông Nguyễn Trung Kiên.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Tường Duy Bình và bà Lê Thị Chanh.

- Thư ký phiên toà: Bà Vũ Thị Hương – Thư ký Tòa án.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Mộc Châu tham gia phiên toà: Ông Sa Văn Quỳnh - Kiểm sát viên.

Ngày 17 tháng 4 năm 2020, tại nhà tạm giữ Công an huyện Mộc Châu, tỉnh Sơn La xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số 55/2020/TLST-HS ngày 06 tháng 4 năm 2020 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 53/2020/QĐXXST-HS ngày 06 tháng 4 năm 2020 đối với các bị cáo:

1. **Chu Ngọc T**, sinh năm: 1985 tại huyện B, thành phố H; nơi cư trú: Tiểu khu 3, thị trấn P, huyện P, tỉnh Sơn La; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hóa (học vấn): 07/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Chu Văn T và bà Nguyễn Thị Q; bị cáo có vợ là Hà Thị B (đã ly hôn) và có 01 con; tiền án: Ngày 13/8/2009, Tòa án nhân dân huyện P, tỉnh Sơn La xử phạt 07 năm tù về tội Tàng trữ trái phép chất ma túy, bị cáo chấp hành xong hình phạt tù ngày 11/5/2017; tiền sự: Không; nhân thân: Ngày 24/9/2004, Tòa án nhân dân huyện P, tỉnh Sơn La xử phạt 12 tháng tù giam về tội Trộm cắp tài sản (Đã được xóa án tích). Ngày 08/8/2006, Tòa án nhân dân huyện P, tỉnh Sơn La xử phạt 24 tháng tù giam về tội Lừa đảo chiếm đoạt tài sản (Đã được xóa án tích); bị cáo bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 07/01/2020 đến nay. Có mặt.

2. **Vì Thị A**, sinh năm 1986 tại huyện P, tỉnh Sơn La; nơi cư trú: Bản S, xã H, huyện P, tỉnh Sơn La; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hóa (học vấn): 12/12; dân tộc: Thái; giới tính: Nữ; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Vì Văn D và bà Hà Thị V; bị cáo chưa có chồng và có 03 con; tiền án: Ngày 25/10/2016 Tòa án nhân dân huyện P, tỉnh Sơn La xử phạt 06 tháng tù về tội Trộm cắp tài sản, 12 tháng tù về tội Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản. Tổng hợp hình phạt 18 tháng tù. Ngày 08/12/2016, Tòa án nhân dân huyện P đã ra quyết định hoãn chấp hành hình phạt tù đến ngày 02/5/2017. Ngày 16/5/2017

Tòa án nhân dân huyện P ra quyết định hoãn chấp hành hình phạt tù 12 tháng kể từ ngày 16/5/2017. 17/5/2018 Tòa án nhân dân huyện P ra quyết định hoãn chấp hành hình phạt tù đến ngày 06/8/2020, tiền sự: Không; bị cáo bị tạm giữ từ ngày 07/01/2020 đến ngày 12/01/2020 thì được tại ngoại. Có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào hồi 20 giờ 30 phút ngày 06/01/2020, tổ công tác Công an huyện Mộc Châu làm nhiệm vụ tại khu vực bản T, xã N, huyện M, tỉnh Sơn La, qua kiểm tra hành chính về ma túy với Chu Ngọc T và Vì Thị A đã phát hiện Vì Thị A dùng tay phải vút 01 gói nilon màu đen bên trong có chứa chất bột màu trắng vào lề đường bên phải chiều Mộc Châu - Vạn Yên. Quá trình bắt giữ Chu Ngọc T và Vì Thị A khai nhận đó là Heroine của T mục đích để sử dụng, còn A là người cầm hộ Heroine cho T. Vật chứng thu giữ 01 gói màu đen, bên trong đựng chất bột màu trắng.

Tổ công tác đã lập biên bản bắt giữ người phạm tội quả tang, niêm phong vật chứng dẫn giải Chu Ngọc T và Vì Thị A về Công an huyện Mộc Châu để điều tra làm rõ, tạm giữ của Chu Ngọc T 01 chiếc xe máy nhãn hiệu Wave màu đỏ, BKS: 26H7-6381, 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu SAMSUNG bên trong lắp 02 sim; tạm giữ của Vì Thị A 01 điện thoại di động hiệu MOBELL bên trong lắp 02 sim.

Ngày 07/01/2020, Cơ quan CSĐT Công an huyện Mộc Châu phối hợp với VKS nhân dân huyện Mộc Châu tiến hành khám nghiệm hiện trường nơi Vì Thị A ném gói ma túy. Hiện trường được xác định tại Km 47 + 300m Quốc lộ 43 thuộc địa phận bản T, xã N, huyện M, tỉnh Sơn La. Vị trí gói băng dính màu đen bên trong đựng chất bột màu trắng do Vì Thị A ném ra cách cột mốc H3/47 là 7,5m; cách mép đường là 5,6m, cách trục sau của xe máy 26H7-6381 là 5,8m.

Ngày 07/01/2020, cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Mộc Châu phối hợp với VKSND huyện Mộc Châu và phòng Kỹ thuật hình sự - Công an tỉnh Sơn La đã tiến hành mở niêm phong, xác định khối lượng số ma túy của Chu Ngọc T và Vì Thị A, kết quả: Cục chất bột màu trắng thu giữ của Chu Ngọc T và Vì Thị A, có khối lượng 37,23 gam, lấy toàn bộ 37,23 gam làm mẫu gửi giám định ký hiệu "T". Cơ quan Công an huyện Mộc Châu ra quyết định trưng cầu giám định chất ma túy và loại ma túy.

Tại kết luận giám định số 202 ngày 10/01/2020 của phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Sơn La kết luận: Mẫu gửi giám định ký hiệu "T" là ma túy; loại Heroine; tổng khối lượng của mẫu gửi giám định là 37,23 gam. Tổng khối lượng ma túy thu giữ là 37,23 gam; loại Heroine.

Quá trình điều tra Chu Ngọc T và Vì Thị A khai nhận: Chu Ngọc T và Vì Thị A có quan hệ tình cảm chung sống với nhau như vợ chồng, A biết T là đối tượng nghiện hút chất ma túy. Khoảng 11 giờ ngày 06/01/2020, T rủ A sang

Mộc Châu chơi, A đồng ý. T điều khiển xe máy BKS 26H7-6381 đến khu vực ngã ba đường mới thuộc tiểu khu N, thị trấn N, huyện M thì dừng xe lại bảo A đứng ở đó chờ để T đi có việc riêng. Sau đó T một mình điều khiển xe máy đến nhà Giàng A C ở bản L, xã V, huyện V mua được của C 01 gói Heroine được gói bên ngoài bằng băng dính màu đen với giá 20.000.000đ mục đích để sử dụng cho bản thân. Sau khi mua được Heroine T cất giấu vào trong túi áo khoác bên phải đang mặc rồi điều khiển xe máy quay về ngã ba đường mới đón A. Sau đó T tiếp tục điều khiển xe máy chở A theo Quốc lộ 43 để về huyện P. Khi đi đến khu vực bản S, xã H thì T lấy gói Heroine đưa cho A và bảo "nếu gặp Công an, lúc nào anh bảo vút thì vút đi nhé". A biết T là người nghiện ma túy lâu năm nên hiểu ngay là T đã đưa cho A gói ma túy, A đồng ý cầm gói ma túy trong lòng bàn tay phải, mục đích nếu gặp cơ quan chức năng thì vút gói ma túy đi để T không bị bắt và chịu trách nhiệm trước pháp luật. Đến 20 giờ 30 phút cùng ngày T và A đi đến Km 47 + 300m Quốc lộ 43 thuộc địa phận bản T, xã N, huyện M thì gặp tổ công tác Công an huyện Mộc Châu làm nhiệm vụ, yêu cầu dừng xe để kiểm tra, thấy vậy T bảo A "vút đi, vút đi Công an đấy" thấy vậy A đã ném gói ma túy vào lề đường bên phải. Tổ công tác đã kịp thời phát hiện, lập biên bản bắt người phạm tội quả tang, thu giữ, niêm phong gói ma túy theo quy định của pháp luật.

Bản cáo trạng số : 55/CT-VKS ngày 06 tháng 4 năm 2020 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Mộc Châu truy tố các bị cáo Chu Ngọc T, Vì Thị A về tội "Tàng trữ trái phép chất ma túy" theo điểm b khoản 3 Điều 249 Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Mộc Châu giữ nguyên quan điểm truy tố Chu Ngọc T và Vì Thị A về tội "Tàng trữ trái phép chất ma túy". Đề nghị Hội đồng xét xử:

1. Tuyên bố Chu Ngọc T và Vì Thị A phạm tội "Tàng trữ trái phép chất ma túy".

Căn cứ điểm b khoản 3 Điều 249, điểm s khoản 1 Điều 51, điểm h khoản 1 Điều 52, Điều 58 Bộ luật Hình sự: Xử phạt bị cáo Chu Ngọc T từ 12 năm đến 12 năm 06 tháng tù. Không áp dụng hình phạt bổ sung (phạt tiền) đối với bị cáo.

Căn cứ điểm b khoản 3 Điều 249, điểm n, s khoản 1 Điều 51, điểm h khoản 1 Điều 52, khoản 1 Điều 55, khoản 2 Điều 56, Điều 58, khoản 1 Điều 38 Bộ luật Hình sự: Xử phạt bị cáo Vì Thị A từ 10 năm 06 tháng đến 11 năm tù. Tổng hợp hình phạt của bản án số 01 ngày 25/10/2016 bị cáo đã chấp hành được 20 ngày, bị cáo còn phải chấp hành tiếp 17 tháng 10 ngày. Buộc bị cáo phải thi hành hình phạt chung của hai bản án.

Không áp dụng hình phạt bổ sung (phạt tiền) đối với bị cáo.

2. Căn cứ điểm c khoản 1 Điều 47 của Bộ luật Hình sự; khoản 1, điểm a, c khoản 2, điểm a, b khoản 3 Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự:

Tịch thu tiêu hủy: 01 phong bì niêm phong mặt trước phong bì ghi: Vật chứng vụ Vì Thị A và Chu Ngọc T, bắt ngày 06/01/2020 (băng dính màu đen và

vỏ phong bì niêm phong ban đầu), 01 phong bì niêm phong test thử ma túy của Chu Ngọc T, 01 phong bì niêm phong test thử ma túy của Vì Thị A, 01 phong bì niêm phong mặt trước ghi: Mẫu không sử dụng đến trong quá trình giám định, thuộc mẫu giám định ký hiệu T có khối lượng 36,50 gam, 02 vỏ phong bì dùng để niêm phong 02 chiếc điện thoại của Chu Ngọc T và Vì Thị A.

Trả lại cho bị cáo Vì Thị A: 01 điện thoại di động nhãn hiệu Mobell bên trong lắp 02 sim.

Trả lại cho bị cáo Chu Ngọc T: 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Samsung bên trong lắp 02 sim.

3. Các bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa, các bị cáo nhất trí với cáo trạng và đề nghị của đại diện Viện kiểm sát.

Lời nói sau cùng: Các bị cáo xin giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Xét về hành vi, quyết định tố tụng: Cơ quan Điều tra Công an huyện Mộc Châu, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện Mộc Châu, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng Hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Tại phiên tòa các bị cáo Chu Ngọc T và Vì Thị A thừa nhận: Hồi 20 giờ 30 phút ngày 06 tháng 01 năm 2020, Chu Ngọc T và Vì Thị A đã thực hiện hành vi cất giữ trái phép 01 gói Heroine có khối lượng 37,23 gam Heroine với mục đích để Chu Ngọc T sử dụng thì bị bắt quả tang cùng vật chứng.

Xét lời khai nhận tội của các bị cáo tại phiên tòa hoàn toàn phù hợp với lời khai tại cơ quan điều tra, phù hợp với kết quả điều tra được chứng minh như sau: Biên bản bắt người phạm tội quả tang; Vật chứng thu giữ trong vụ án; Kết luận giám định và các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án.

Như vậy có đủ cơ sở kết luận: Hành vi của các bị cáo Chu Ngọc T và Vì Thị A đã phạm vào tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy” theo quy định tại điểm b khoản 3 Điều 249 Bộ luật Hình sự.

Xét tính chất hành vi phạm tội của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm đến chính sách quản lý của Nhà nước về chất ma túy, xâm phạm trật tự an toàn xã hội tại địa phương. Do vậy cần xem xét cân nhắc xử phạt các bị cáo mức hình phạt phù hợp, tương xứng với tính chất, mức độ hành vi thực hiện

tội phạm của các bị cáo. Việc cách ly các bị cáo một thời gian là cần thiết, có như vậy mới có thể đảm bảo được điều kiện và thời gian để các bị cáo cải tạo, giáo dục trở thành người tốt có ích cho gia đình và xã hội, đồng thời nhằm răn đe phòng ngừa giáo dục chung.

Phân hóa vai trò phạm tội của các bị cáo thấy rằng, bị cáo Chu Ngọc T là người bỏ tiền, trực tiếp mua ma túy để sử dụng do đó giữ vai trò chính trong vụ án. Bị cáo Vì Thị A là người đã cất giấu ma túy cho Chu Ngọc T, do đó là đồng phạm với vai trò là người giúp sức.

Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Các bị cáo đều là người có nhân thân xấu.

Bị cáo Chu Ngọc T có 01 tiền án chưa được xóa án tích. Ngày 13/8/2009 Tòa án nhân dân huyện P, tỉnh Sơn La xử phạt 07 năm tù về tội Tàng trữ trái phép chất ma túy, bị cáo chấp hành xong hình phạt tù ngày 11/5/2017. Ngày 24/9/2004, Tòa án nhân dân huyện P, tỉnh Sơn La xử phạt 12 tháng tù giam về tội Trộm cắp tài sản (Đã được xóa án tích). Ngày 08/8/2006 bị Tòa án nhân dân huyện P, tỉnh Sơn La xử phạt 24 tháng tù giam về tội Lừa đảo chiếm đoạt tài sản (Đã được xóa án tích).

Bị cáo Vì Thị A có 01 tiền án chưa được xóa án tích. Ngày 25/10/2016 Tòa án nhân dân huyện P, tỉnh Sơn La xử phạt 06 tháng tù về tội Trộm cắp tài sản, 12 tháng tù về tội Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản. Tổng hợp hình phạt 18 tháng tù. Bị cáo đã chấp hành được 20 ngày, bị cáo còn phải chấp hành tiếp 17 tháng 10 ngày. Bị cáo được hoãn chấp hành hình phạt tù đến nay. Do đó cần phải tổng hợp hình phạt buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt chung cho cả hai bản án.

Các bị cáo phạm tội thuộc trường hợp tái phạm, do đó các bị cáo bị áp dụng tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự quy định tại điểm h khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự.

Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Tại cơ quan điều tra và tại phiên tòa các bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải là tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm s khoản 1 điều 51 của Bộ luật hình sự. Ngoài ra bị cáo Vì Thị A là phụ nữ có thai là tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm n khoản 1 điều 51 của Bộ luật Hình sự.

[3] Về hình phạt bổ sung: Quá trình điều tra, xác minh và xét hỏi tại phiên tòa thấy rằng các bị cáo không có tài sản nên không phạt bổ sung - phạt tiền đối với các bị cáo theo quy định của khoản 5 Điều 249 của Bộ luật Hình sự.

[4]. Về vật chứng: Căn cứ điểm c khoản 1 Điều 47 của Bộ luật Hình sự; khoản 1, điểm a, c khoản 2, điểm a, b khoản 3 Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự:

Đối với 01 phong bì niêm phong mặt trước phong bì ghi: Vật chứng vụ Vì Thị A và Chu Ngọc T, bắt ngày 06/01/2020 (băng dính màu đen và vỏ phong bì niêm phong ban đầu); 01 phong bì niêm phong test thử ma túy của Chu Ngọc T; 01 phong bì niêm phong test thử ma túy của Vì Thị A; 01 phong bì niêm phong

mặt trước ghi: Mẫu không sử dụng đến trong quá trình giám định, thuộc mẫu giám định ký hiệu T có khối lượng 36,50 gam; 02 vỏ phong bì dùng để niêm phong 02 chiếc điện thoại của Chu Ngọc T và Vì Thị A. Là vật Nhà nước cấm lưu hành và không còn giá trị sử dụng cần tịch thu tiêu hủy.

Đối với 01 điện thoại di động nhãn hiệu Mobell bên trong lắp 02 sim của Vì Thị A, 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Samsung bên trong lắp 02 sim của Chu Ngọc T xét là tài sản hợp pháp của các bị cáo, không liên quan đến việc phạm tội. Do đó cần trả lại cho các bị cáo.

Đối với 01 chiếc xe máy nhãn hiệu Honda - màu sơn đỏ đen, biển kiểm soát 26H7-6381, số khung: 323345, số máy: 5423809 (xe đã qua sử dụng cũ). Quá trình điều tra xác định, chiếc xe máy là tài sản hợp pháp của ông Chu Văn T, sinh năm 1961, trú tại: Tiểu khu 3, thị trấn P, huyện P, tỉnh Sơn La (là bố của bị cáo Chu Ngọc T), việc các bị cáo sử dụng chiếc xe để thực hiện hành vi phạm tội ông Chu Văn T hoàn toàn không biết và không liên quan. Việc cơ quan CSĐT đã giao trả chiếc xe cho ông Chu Văn T quản lý và sử dụng là đúng quy định của pháp luật, do đó không đề cập tới việc giải quyết.

[5] Đối với Giàng A C ở bản L, xã V, huyện V, tỉnh Sơn La là đối tượng Chu Ngọc T khai đã bán ma túy cho T, cơ quan điều tra đã tiến hành xác minh tại bản L, xã V, huyện V, tỉnh Sơn La có đối tượng tên là Giàng A C, sinh năm 1990 có vợ là Tráng Thị D, sinh năm 1988. Ngày 09/01/2020 cơ quan CSĐT Công an huyện Mộc Châu tiến hành khám xét khẩn cấp chỗ ở của Giàng A C, không phát hiện thu giữ gì. Cơ quan CSĐT đã tiến hành điều tra nhưng Giàng A C không thừa nhận việc bán ma túy cho T, nên không có căn cứ điều tra mở rộng vụ án, nên buộc các bị cáo phải hoàn toàn chịu trách nhiệm về số ma túy trên.

[6] Về án phí: Các bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[7] Xét thấy thời hạn tạm giam của bị cáo Chu Ngọc T còn dưới 45 ngày nên cần tiếp tục tạm giam bị cáo để đảm bảo thi hành án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ điểm b khoản 3 Điều 249, điểm s khoản 1 Điều 51, điểm h khoản 1 Điều 52, Điều 58 Bộ luật Hình sự.

Tuyên bố bị cáo Chu Ngọc T phạm tội: “Tàng trữ trái phép chất ma túy”.

Xử phạt bị cáo Chu Ngọc T 12 (mười hai) năm tù. Thời hạn tù của bị cáo tính từ ngày 07/01/2020. Không áp dụng hình phạt bổ sung (phạt tiền) đối với bị cáo.

2. Căn cứ điểm b khoản 3 Điều 249, điểm n, s khoản 1 Điều 51, điểm h khoản 1 Điều 52, khoản 1 Điều 55, khoản 2 Điều 56, Điều 58, khoản 1 Điều 38 Bộ luật Hình sự.

Tuyên bố bị cáo Vì Thị A phạm tội: “Tàng trữ trái phép chất ma túy”.

Xử phạt bị cáo Vì Thị A 11 (mười một) năm tù.

Tổng hợp hình phạt của bản án số 01 ngày 25/10/2016 của Tòa án nhân dân huyện P, tỉnh Sơn La. Buộc bị cáo Vì Thị A phải thi hành hình phạt chung cho cả hai bản án là 12 (mười hai) năm, 05 (năm) tháng, 10 (mười) ngày tù, được trừ đi thời gian đã tạm giữ 06 (sáu) ngày (tính từ ngày 07/01/2020 đến ngày 12/01/2020). Bị cáo còn phải chấp hành hình phạt là 12 (mười hai) năm, 05 (năm) tháng, 04 (bốn) ngày tù. Thời hạn tù tính từ ngày vào trại chấp hành hình phạt tù. Không áp dụng hình phạt bổ sung (phạt tiền) đối với bị cáo.

3. Căn cứ điểm c khoản 1 Điều 47 của Bộ luật Hình sự; khoản 1, điểm a, c khoản 2, điểm a, b khoản 3 Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự:

Tịch thu tiêu hủy: 01 phong bì niêm phong bên ngoài ghi vật chứng vụ: Vì Thị A và Chu Ngọc T, bắt ngày 06/01/2020: Bên trong đựng băng dính màu đen và vỏ phong bì niêm phong ban đầu; 01 phong bì niêm phong bên ngoài ghi test thử ma túy đối với Chu Ngọc T, bắt ngày 07/01/2020, kq: Dương tính. Bên trong đựng test thử ma túy của Chu Ngọc T; 01 phong bì niêm phong bên ngoài ghi test thử ma túy đối với Vì Thị A, bắt ngày 07/01/2020, kq: Âm tính. Bên trong đựng test thử ma túy của Vì Thị A; 01 phong bì niêm phong bên ngoài ghi mẫu không sử dụng đến trong quá trình giám định, thuộc mẫu gửi giám định ký hiệu T có khối lượng 36,50 gam của vụ Vì Thị A và Chu Ngọc T - Tàng trữ trái phép chất ma túy, xảy ra ngày 06/01/2020 tại xã N, huyện M, tỉnh Sơn La; 01 vỏ phong bì dùng để niêm phong chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Mobell; 01 vỏ phong bì dùng để niêm phong chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Samsung.

Trả lại cho bị cáo Vì Thị A: 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Mobell, bên trong lắp 02 sim.

Trả lại cho bị cáo Chu Ngọc T: 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Samsung, bên trong lắp 02 sim.

4. Về án phí: Căn cứ khoản 2 Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự; khoản 1 Điều 21, điểm a khoản 1 Điều 23 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Các bị cáo Chu Ngọc T và Vì Thị A phải chịu mỗi bị cáo là 200.000 đồng (Hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

Các bị cáo được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, ngày 17/4/2020.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Sơn La;

**T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

- Sở tư pháp tỉnh Sơn La;
- VKSND tỉnh Sơn La;
- VKSND huyện Mộc Châu;
- Công an huyện Mộc Châu;
- THAHS;
- Trại giam;
- Chi cục THA dân sự huyện Mộc Châu;
- Các bị cáo;
- Lưu: Hồ sơ, án văn.

(đã ký)

Nguyễn Trung Kiên